

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm vật liệu nổ Công nghiệp-Micco số 1922/TTVLNCN-TN ngày 14/8/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2865/TTr-TNMT ngày 01/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm vật liệu nổ Công nghiệp-Micco, địa chỉ tại xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và hóa chất tại cơ sở nghiên cứu thực nghiệm vật liệu nổ công nghiệp” của Trung tâm vật liệu nổ Công nghiệp - Micco, Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 7, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Mã số thuế: 0100101072-029.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở/cơ sở:

- Tổng diện tích cơ sở: Tổng diện tích cơ sở: 9.764 m². Trong đó diện tích đã xây dựng 3.566 m² bao gồm các công trình đã xây dựng diện tích 1.033 m² (Khu nghiên cứu chuyên ngành Vật liệu nổ công nghiệp, khu nghiên cứu hóa lý, các công trình phụ trợ khác), diện tích đường bê tông 1.177 m²; diện tích sân bãi 1.177 m². Diện tích đất trống khoảng 6.198 m². Trong đó, phần diện tích xây dựng khu vực nghiên cứu sản xuất khoảng 1.647 m² (bao gồm xây dựng nhà xưởng 614 m² và 1033 m² là diện tích sân, đường bê tông xung quanh nhà xưởng) sẽ được xây dựng tại phần đất trống này

Quy mô lao động: 36 người.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Dự án nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất: Công suất của Đơn vị theo chỉ tiêu của Tổng Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin giao năm 2020, cụ thể như sau:

- Sản xuất tiền chất thuốc nổ Natri Nitrat (NaNO_3) công suất 2.000 tấn/năm.

- Sản xuất $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$ công suất 500 tấn/năm.

- Sản xuất bán thành phẩm nhũ tương công suất 8.000 tấn/năm (tương đương năng suất cấp phép 1.000kg/giờ).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4 Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 5** ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm vật liệu nổ Công nghiệp-Micco có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thị xã Đông Triều nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thị xã Đông Triều.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký Giấy phép này, nhưng không vượt quá thời hạn thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng ban liên quan, UBND xã Hồng Thái Tây tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh văn phòng HĐND và UBND; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Hồng Thái Tây; Giám đốc Trung tâm vật liệu nổ Công nghiệp - Micco và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực UBND thị xã;
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Độ

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~3320~~ 3320/GPMT-UBND ngày 30/10/2023
của UBND thị xã Đông Triều)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân làm việc tại cơ sở;
- + Nguồn số 2: Nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình vệ sinh công nghiệp nhà xưởng;
- + Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ tự nhiên trong khu vực Cơ sở, sau đó thải ra hồ Khe Uơn

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải:

+ Nguồn số 01: Đầu ra bể tự hoại trước khi đổ ra hồ tự nhiên, tọa độ X= 2330579; Y= 388862.

+ Nguồn số 02: Điểm xả nước thải từ hệ thống xử lý ra hồ tự nhiên, tọa độ X= 2330594; Y= 388871.

+ Nguồn số 03: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm, tọa độ X= 2330795; Y= 388835.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

+ Nước thải sinh hoạt: 4 m³/ngày.đêm

+ Nước thải công nghiệp: 20 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

+ Nguồn số 01: Tự chảy kết hợp xả mặt, xả ven bờ.

+ Nguồn số 02: Xả gián đoạn, không liên tục (chỉ khi có hoạt động sản xuất)

+ Nguồn số 03: Xả gián đoạn, không liên tục (chỉ khi thực hiện phân tích trong phòng thí nghiệm)

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả không liên tục

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

+ Đối với nước thải sinh hoạt:

Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, $k=1,2$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, $K = 1,2$)
1	pH	-	5 đến 9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200
5	Sunfua	mg/l	4,8
6	Amoni	mg/l	12
7	Nitrat	mg/l	60
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	24
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat	mg/l	12
11	Coliform	MPN/100ml	5000

+ Nước thải công nghiệp:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCĐP 3:2020/QN (cột B, $K_q=0,6$; $K_f=1,2$; $K_{QN}=0,95$) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCĐP 3:2020/QN (cột B, $K_q=0,6$; $K_f=1,2$; $K_{QN}=0,95$)
1	pH	-	5 đến 9
2	Nhiệt độ	°C	40
3	BOD ₅	mg/l	32,4
4	COD	mg/l	97,2
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	64,8

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCDP 3:2020/QN (cột B, $K_q=0,6$; $K_f=1,2$; $K_{QN}=0,95$)
6	Coliform	VK/100ml	5000
7	Amoni	mg/l	6,48
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	6,84

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Đối với nước mưa: Nước mưa bề mặt đơn thuần được dẫn về hệ thống rãnh thoát nước xung quanh 4 mặt của các khu nhà trong Cơ sở nghiên cứu thực nghiệm. Tại các điểm giao nhau giữa các rãnh thoát nước mưa đều bố trí hố ga thu gom. Hệ thống rãnh thoát nước mưa được dẫn ra Hồ tự nhiên. Kích thước rãnh thoát nước mưa (rộng x sâu): 600 x 500 mm, Kích thước hố ga giao giữa các rãnh thoát nước mưa (dài x rộng x sâu 800 x 800 x 600 mm).

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thu gom riêng như sau: Nước thải sinh hoạt được thu gom vào hệ thống bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 12 m³ (3mx2mx2m). Nước thải sau xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), sau đó thải ra hồ tự nhiên trong khu vực của Cơ sở nghiên cứu thực nghiệm VLNCN.

+ Nước thải công nghiệp: Cơ sở đã xây dựng bể thu gom nước thải, hệ thống rãnh thu gom nước thải từ phân xưởng sản xuất NaNO₃ về bể thu gom và hệ thống bơm, ống dẫn PVC D42 dẫn nước thải từ bể thu gom về hệ thống xử lý nước thải chung của Cơ sở nghiên cứu thực nghiệm. Nước thải từ bể xử lý sinh học được dẫn qua đường ống PVC D110 thải vào 5 đường ống Hồ tự nhiên, nối dài đoạn ống thoát nước thải vào hồ tự nhiên. Đối với nước thải từ 03 phòng phân tích được thu gom về hố thu, theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải (gồm 03 bể xử lý: Bể oxy hóa vi sinh, bể lắng, bể nước sau lắng và hệ thống lọc), nước thải sau xử lý theo hệ thống rãnh thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

+ Xử lý nước thải sinh hoạt

- Bể tự hoại 3 ngăn: bao gồm 02 bể tự hoại, dung tích 12 m³, lựa chọn công

nghe xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, xử lý yếm khí, bổ sung chế phẩm vi sinh 06 tháng/lần.

+ Xử lý nước thải công nghiệp

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo quy trình: Bể thu gom kết hợp lắng sơ bộ bằng BTCT→Bộ thiết bị phản ứng đồng bộ vật liệu Inox→Bể lọc than hoạt tính→Bể xử lý sinh học→Bơm và hệ thống đường ống, hệ thống điện. Công suất hệ thống xử lý nước thải: 20 m³/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải phòng phân tích theo quy trình: Bể oxy hóa vi sinh→bể lắng→bể nước sau lắng→hệ thống lọc).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

2.2. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành công trình xử lý nước thải của Cơ sở.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~3320~~./GPMT-UBND ngày ~~30~~./10/2023
của UBND thị xã Đông Triều)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu DO..

2. Dòng khí thải, vị trí phát sinh khí thải:

2.1. Vị trí phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Ống phóng không của lò hơi đốt dầu DO, tọa độ X= 2330548;
Y= 388846.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107045' múi chiều 30).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Không xác định

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Không liên tục

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 05:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tính Quảng Ninh.

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn giá trị
			Giá trị $C_{max} = C.K_p.K_v$ ($K_p = 1; K_v = 1$)
			B
1	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	-
2	CO	mg/Nm ³	1000
3	NO _x	mg/Nm ³	1000
4	SO ₂	mg/Nm ³	500

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

- Vận hành thường xuyên quạt công nghiệp với bộ lọc không khí ở cuối đường ống.

- Nhà xưởng sản xuất NaNO₃ được thiết kế xây tường lửng, phía trên quay lưới thép B40 đã tạo ra không gian thoát mát.

- Trang bị quạt công nghiệp tại xưởng sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,

đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân.

- Trồng vành đai cây xanh xung quanh để giảm sự phát tán bụi và lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

- Trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang, kính chống bụi, quần áo bảo hộ,...) cho cán bộ và công nhân viên làm việc tại cơ sở..

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~3320~~.../GPMT-UBND ngày...~~20~~/10/2023
của UBND thị xã Đông Triều)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực xe ra vào cơ sở.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60		Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Cấm bấm còi vào các giờ cao điểm trong khuôn viên khu vực.
- Cấm không cho các phương tiện vận tải có trọng tải lớn ra vào Văn phòng làm việc.
- Quy định tốc độ tối đa của các phương tiện ra vào Văn phòng làm việc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. ~~33.20~~ ^{33.20} /GPMT-UBND ngày. ~~30.10~~ ^{30.10} /2023
của UBND thị xã Đông Triều)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	09
2	Dầu thải khác	17 02 04	34
3	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm dầu	18 02 01	168
4	Thùng phuy thải	18 01 02	3.000
	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	43
5	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	30
	Tổng số lượng		3.284

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	2,5
	Tổng	2,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng rác PVC, thùng phuy, cần có nắp đậy.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho chứa tạm thời: Diện tích 14 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, tường bao xung quanh, có mái che.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát thô hoặc mùn

cửa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:*

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- 10 thùng chứa rác thải sinh hoạt PVC (loại 100l/thùng), xe gom rác đẩy tay 400 lít đặt tại khu vực tập kết.

2.3.2. Công trình, thiết bị, phương tiện thu gom phục vụ xử lý chất thải sinh hoạt:

- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh có trách nhiệm thu gom và chuyển trực tiếp cho đơn vị vận chuyển đi xử lý. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 lần/ngày.

(Trung tâm vật liệu nổ Công nghiệp-Micco bàn giao RTSH, CTRCN và CTNH cho Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Việt Bắc, Định kỳ thuê Đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. ~~3320~~./GPMT-UBND ngày. ~~30~~./10/2023 của UBND thị xã Đông Triều)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ/CO SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các Luật khác có liên quan; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp kỹ thuật, thu gom và xử lý tất cả các loại chất thải phát sinh của Cơ sở đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, địa phương về môi trường hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan trước khi xả thải ra môi trường, nhằm đảm bảo các hoạt động của Cơ sở không gây ảnh hưởng xấu môi trường xung quanh và khu vực dân cư lân cận.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom nước thải của Cơ sở.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực Cơ sở.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ cơ sở phải dừng ngay hoạt động và báo cáo kịp thời tới Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều để được hướng dẫn giải quyết.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.